

Bài toán	
<p>Bài toánPhát triển một ứng dụng quản lý nhân viên:</p> <ul style="list-style-type: none">• Hiển thị danh sách nhân viên• Thêm một nhân viên mới• Sửa đổi thông tin của nhân viên• Xoá một nhân viên• Xem thông tin chi tiết của nhân viên	
<p>Bước 1: Tạo ứng dụng web có tên sp15demo-mvc</p>	

Bước 2: Tạo Employee model

Lớp Employee bao gồm các thuộc tính

id: Id của nhân viên

• name: Tên của nhân viên

• email: Email của nhân viên

• address: Địa chỉ của nhân viên

```
11 public class Employee {
12     private int id;
13     private String name;
14     private String email;
15     private String address;
16
17     public Employee(int id, String name, String email, String address) {
18         this.id = id;
19         this.name = name;
20         this.email = email;
21         this.address = address;
22     }
23
24     public int getId() {
25         return id;
26     }
27
28     public void setId(int id) {
29         this.id = id;
30     }
31
32     public String getName() {
33         return name;
34     }
35
36     public void setName(String name) {
37         this.name = name;
38     }
39
40     public String getEmail() {
41         return email;
42     }
43
44     public void setEmail(String email) {
45         this.email = email;
46     }
47
48     public String getAddress() {
49         return address;
50     }
51
52     public void setAddress(String address) {
53         this.address = address;
54     }
55
56     @Override
57     public String toString() {
58         return "Employee{" + "id=" + id + ", name=" + name + ", email=" + email + ", address=" + address + '}';
59     }
60
61 }
```

Bước 3: Tạo interface EmployeeService

Interface EmployeeService là interface định nghĩa các phương thức ở tầng Service để thao tác với đối tượng Employee

Interface EmployeeService bao gồm các phương thức: findAllEmp():Trở về danh sách tất cả nhân viên

save(): Lưu một nhân viên

findById():Tìm một nhân viên theo Id

update():Cập nhật thông tin của một nhân viên

remove():Xoá một nhân viên khỏi danh sách

```
14 public interface EmployeeService {
15
16     List<Employee> findAll();
17     void save(Employee customer);
18     Employee findById(int id);
19     void update(int id, Employee customer);
20     void remove(int id);
21 }
```

Bước 4: Tạo class EmployeeServiceImpl
EmployeeServiceImpl là một lớp triển khai đầy đủ các phương thức của interface EmployeeService.

- Trong trường hợp này, chúng ta xem lớp EmployeeServiceImpl

Làm đối tượng cung cấp và thao tác dữ liệu. Danh sách nhân viên sẽ được lưu vào trong một đối tượng kiểu Map DS Nhân viên lưu trong Database sẽ tìm hiểu phần sau.

```
17 public class EmployeeServiceImpl implements EmployeeService {
18     private static Map<Integer, Employee> employees = new HashMap<>();
19     static {
20         employees.put(1, new Employee(1, "John Doe", "john@example.com", "New York"));
21         employees.put(2, new Employee(2, "Jane Doe", "jane@example.com", "California"));
22     }
23     @Override
24     public List<Employee> findAll() {
25         return new ArrayList<>(employees.values());
26     }
27     @Override
28     public void save(Employee emp) {
29         employees.put(emp.getId(), emp);
30     }
31     @Override
32     public Employee findById(int id) {
33         return employees.get(id);
34     }
35     @Override
36     public void update(int id, Employee emp) {
37         employees.put(id, emp);
38     }
39     @Override
40     public void remove(int id) {
41         employees.remove(id);
42     }
43     public static void main(String[] args) {
44         for (Integer key : employees.keySet()) {
45             System.out.println(key + " " + employees.get(key));
46         }
47     }
48 }
```

Bước 5: Tạo EmployeeServlet để xử lý các request.

- Lớp Employee Servlet có một đối tượng EmployeeServiceImpl dùng để truy xuất đến dữ liệu

```
25 @WebServlet(name="EmployeeServlet", urlPatterns={"/employees"})
26 public class EmployeeServlet extends HttpServlet {
27     private EmployeeService employeeService = new EmployeeServiceImpl();
28
29     protected void processRequest(HttpServletRequest request, HttpServletResponse response)
30     throws ServletException, IOException {...15 lines }
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47     @Override
48     protected void doGet(HttpServletRequest request, HttpServletResponse response)
49     throws ServletException, IOException {...20 lines }
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73     @Override
74     protected void doPost(HttpServletRequest request, HttpServletResponse response)
75     throws ServletException, IOException {
76         processRequest(request, response);
77     }
```

Bước 6: Điều hướng việc xử lý các tính năng

Điều hướng việc xử lý các tính năng khác nhau của EmployeeServlet thông qua tham số action. • Tham số action được sử dụng để quy định hành động mà EmployeeServlet xử lý trong từng request:

/employees?action=create:Tạo một nhân viên mới /

/employees?action=edit:Cập nhật thông tin nhân viên /

employees?action=delete:Xoá một nhân viên

Các giá trị khác hiển thị danh sách nhân viên

```
25 @WebServlet(name="EmployeeServlet", urlPatterns={"/employees"})
26 public class EmployeeServlet extends HttpServlet {
27     private EmployeeService employeeService = new EmployeeServiceImpl();
28
29     protected void processRequest(HttpServletRequest request, HttpServletResponse response)
30     throws ServletException, IOException { ...15 lines }
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47 @Override
48 protected void doGet(HttpServletRequest request, HttpServletResponse response)
49 throws ServletException, IOException {
50
51     String action = request.getParameter("action");
52     if (action == null) {
53         action = "";
54     }
55
56     switch (action) {
57         case "create":
58             createEmp(request, response);
59             break;
60         case "edit":
61             break;
62         case "delete":
63             break;
64         default:
65             listEmployees(request, response);
66             break;
67     }
68 }
```

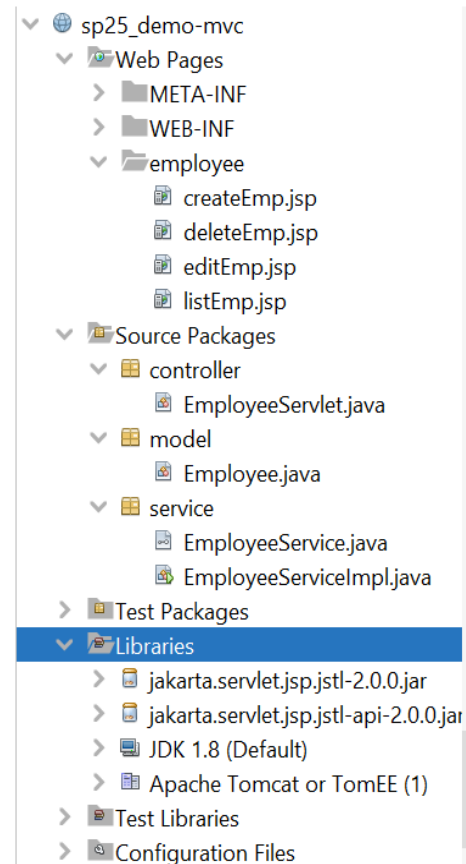
Bước 7: Viết hàm hiển thị danh sách nhân viên Phương thức `listEmployees()` (request,response) nhận về danh sách nhân viên chuyển sang `listEmp/list.jsp` để hiển thị

```

34 private void listEmployees(HttpServletRequest request, HttpServletResponse response)
35     throws ServletException, IOException {
36     List<Employee> emplist = employeeService.findAll();
37     request.setAttribute("employee", emplist);
38     RequestDispatcher dispatcher = request.getRequestDispatcher("listEmp.jsp");
39     dispatcher.forward(request, response);
40 }

```

Bước 8: Viết lệnh hiển thị danh sách nhân viên trên file `listEmp.jsp`
Gọi thư viện JSTL bằng thẻ `<%@taglib prefix="c" uri="http://java.sun.com/jsp/jstl/core"%>`



```

7 <%@page contentType="text/html" pageEncoding="UTF-8"%>
8 <%@taglib prefix="c" uri="http://java.sun.com/jsp/jstl/core"%>
9 <!DOCTYPE html>
10 <html>
11 <head>
12     <meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=UTF-8">
13     <title>JSP Page</title>
14 </head>
15 <body>
16     <h1>Employee List</h1>
17     <table border="1">
18     <tr>
19         <th>ID</th>
20         <th>Name</th>
21         <th>Email</th>
22         <th>Address</th>
23     </tr>
24     <c:forEach var="employee" items="${employees}">
25     <tr>
26         <td>${employee.id}</td>
27         <td>${employee.name}</td>
28         <td>${employee.email}</td>
29         <td>${employee.address}</td>
30     </tr>
31     </c:forEach>
32 </table>
33 </body>
34 </html>

```

Bước 9: Chạy chương trình
http://localhost:9999/sp25_demo-mvc/employees
[JSP Page](#)

← ↻ ⓘ localhost:9999/sp25_demo-mvc/employees

Employee List

ID	Name	Email	Address
1	John Doe	john@example.com	New York
2	Jane Doe	jane@example.com	California